

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS-ST

Ngày: 05-01-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-TÂY NINH****

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân **khv 11-Tây Ninh**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khv 11-Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân **khv 11-Tây Ninh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; cư trú tại: tổ A, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* bà Cao Thị T1, sinh năm 1989; cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T1 có tham gia góp hụi do bà làm chủ hụi cụ thể như sau:

Dây hụi ngày 20.000 đồng khai ngày 14/01/2024, tổng cộng 360 phần, bà T1 tham gia 40 phần, số ngày hụi phải đóng là 61 ngày, bà T1 bỏ hụi 2.000 đồng, hốt đầu được số tiền 42.400.000 đồng, bà T1 phải đóng hụi chết là 60 ngày, đã đóng

hội chết được 13 ngày, còn lại 47 ngày hội chết bà T1 chưa đóng x 800.000 đồng/ngày (40 phần x 20.000 đồng/ngày) = **37.600.000 đồng**. Hội mãn vào ngày 16/02/2025 âm lịch. Trong biên nhận giao hội bà có giao cho bà T1 số tiền 34.800.000 đồng do bà T1 nợ bà hội khai ngày 15/12/2024 âm lịch 02 phần, số tiền là 6.000.000 đồng và nợ 02 ngày hội ngày 20.000 đồng số tiền là 1.600.000 đồng nên số tiền hót được 42.400.000 đồng – 7.600.000 đồng = 34.800.000 đồng.

Dây hội 3.000.000 đồng khai ngày 10/8/2024 âm lịch, gồm 22 phần, bà T1 tham gia 02 phần, bà T1 hót 01 phần vào ngày 10/8/2024 âm lịch: bỏ hội 800.000 đồng, hót được 46.200.000 đồng, sau khi hót bà T1 đóng được 04 kỳ hội chết, còn nợ 17 kỳ hội chết x 3.000.000 đồng = **51.000.000 đồng**; phần hội thứ hai: bà T1 đóng được 04 kỳ hội thì hót hội ở kỳ ngày 10/12/2024 âm lịch, bỏ hội 600.000 đồng, hót được 52.800.000 đồng, sau khi hót bà T1 không đóng hội chết, còn nợ 17 kỳ hội chết x 3.000.000 đồng = **51.000.000 đồng**. Tổng cộng hội chết bà T1 nợ bà dây hội này là **102.000.000 đồng**. Hội mãn vào ngày 10/4/2026 âm lịch.

Dây hội 3.000.000 đồng khai ngày 15/5/2024 âm lịch, hội gồm 23 phần, bà T1 tham gia 01 phần, đóng được 06 kỳ hội, đến kỳ thứ 7 (ngày 15/11/2024 âm lịch) thì hót hội, bỏ hội 700.000 đồng hót được số tiền 54.800.000 đồng, sau khi hót bà T1 đóng được 01 kỳ hội chết, còn nợ lại 15 kỳ hội chết x 3.000.000 đồng = **45.000.000 đồng**. Hội mãn ngày 15/02/2026 âm lịch.

Dây hội 3.000.000 đồng khai ngày 20/10/2023 âm lịch, gồm 23 phần, bà T1 tham gia 03 phần, hót 02 phần hội ở kỳ thứ 4, bỏ hội 850.000 đồng, được số tiền 99.700.000 đồng, sau khi hót thì bà T1 đóng được 15 kỳ hội chết, còn lại 08 kỳ hội chết chưa đóng x 6.000.000 đồng = **48.000.000 đồng**. 01 phần hội còn lại bà T1 đóng được 13 kỳ hội, đến kỳ thứ 14 ngày 20/12/2024 âm lịch thì bà T1 hót hội, bỏ hội 500.000 đồng, hót được 61.500.000 đồng, sau khi hót bà T1 không đóng hội chết, còn nợ lại 08 kỳ hội chết x 3.000.000 đồng = **24.000.000 đồng**, tổng cộng **72.000.000 đồng**.

Ngoài ra, vào ngày 15/12/2023 âm lịch nhằm ngày 25/01/2024 dương lịch, bà T1 có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, có làm giấy tờ, thời hạn vay là 01 năm, thoả thuận tiền lãi 600.000 đồng/tháng/50.000.000 đồng nhưng bà T1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà.

Nay bà yêu cầu bà T1 trả cho bà số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và nợ hội 256.600.000 đồng, tổng cộng 306.600.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Cao Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn bà Cao Thị T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **khuvực 11-Tây Ninh** phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 117, 119, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên phòùng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Cao Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hộ 256.600.000 đồng và nợ vay 50.000.000 đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi. Về án phí: bà Cao Thị T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Cao Thị T1, địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền nợ vay và nợ hộ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hộ đồng vay tài sản và gúp hộ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227,

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản và góp hui, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về địa chỉ nơi cư trú xác định bà T1 vắng mặt tại nơi cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh và không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, không xác định thời điểm trở về nên không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho bà T1. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà T1 để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do. Bà T1 có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Bà T1 phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Bà Nguyễn Thị T cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 01 (một) giấy nợ vay ngày 25/01/2024 nội dung bà T1 có mượn của bà T số tiền 50.000.000 đồng và 05 Biên nhận giao hui ngày 25/01/2024, 15/8/2024, 20/11/2024, 15/12/2024 và 18/12/2024 nội dung thể hiện: bà T1 tham gia góp hui do bà T làm chủ hui, ngày khai hui, ngày hót hui, số tiền bỏ hui, hui sống và hui chết, số tiền bà T giao cho bà T1, có ký tên người hót hui Cao Thị T1, chủ hui Nguyễn Thị T. Lời trình bày của bà T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định việc tham gia góp hui và vay tiền giữa các bên là sự thật.

Bà Cao Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nghĩa vụ của thành viên khi tham gia góp hui. Căn cứ Điều Điều 466, 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu phường, bà T yêu cầu bà T1 trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và nợ hui 256.600.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Cao Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền nợ vay và nợ hui

306.600.000 (ba trăm linh sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Cao Thị T1 phải chịu 15.330.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu phượng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Cao Thị T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hội”.

Buộc bà Cao Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và số tiền hội 256.600.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng, tổng cộng 306.600.000 (ba trăm linh sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị T1 phải chịu 15.330.000 (mười lăm triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 7.850.700 (bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn bảy trăm) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001637 ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nay nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương